

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ - ST
Ngày 30-9-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Anh Nhất.

2. Ông Lê Đức Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1991.

ĐKHKTT: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1986.

ĐKHKTT: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị N, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2020, bản tự khai ngày 01/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đặng Thị N và anh Lê Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 09/12/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, anh T không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù chị đã khuyên can anh T nhiều lần nhưng anh không thay đổi mà còn chửi bới, xúc phạm chị. Vợ chồng sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau kể từ đầu năm 2018 đến nay. Hiện nay, chị không có thai nghén gì. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Văn L, sinh ngày 07/10/2009. Hiện nay con đang ở với ông bà nội, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đặng Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung, chị có nguyện vọng được nuôi con, tuy nhiên do cháu L có nguyện vọng muốn được ở với bố, vì vậy chị chấp nhận theo nguyện vọng của cháu và đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi tháng 1.000.000đ. Về tài sản chung vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn Lê Văn T:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Lê Văn T. Anh T không có mặt ở nhà, nên ông Lê Văn V là bố đẻ anh T nhận thay và cam kết báo lại ngay và giao lại ngay cho anh T. Ngày 20/8/2020, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa phối hợp cùng với công an viên thôn A đến tại nhà ông Lê Văn V (bố đẻ của anh Lê Văn T) ở thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa để làm việc với ông V. Ông cho biết gia đình đã nhận được Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của TAND huyện Nông Cống, ông đã báo lại với anh T nhưng do bận công việc nên anh không về được và trao đổi lại với ông là anh không muốn ly hôn với chị N.

Do anh T không có mặt theo nội dung giấy triệu tập và thông báo việc

mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không có lời khai của anh T và không tiến hành được phiên hòa giải.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

*** Về tố tụng:**

- *Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với anh T chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

- *Về đường lối giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị N được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao con chung là Lê Văn L, sinh ngày 07/10/2009 cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Đặng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Công nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Đặng Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Công giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn T vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa chị Đặng Thị N và anh Lê Văn T thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 10/9/2020 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Lê Văn T, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Lê Văn T, tuy nhiên anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T là đúng với quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung*:

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Đặng Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/12/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Lê Văn L, sinh ngày 07/10/2009. Hiện nay con đang ở với ông bà nội, nguyện vọng của chị N sau khi ly hôn là giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con thành niên và có khả năng lao động

- Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn và chăm sóc con chung sau ly hôn của chị N thấy rằng:

Chị N và anh T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có thời gian tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N, Thanh Hóa ngày 09/12/2008, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng

quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống dẫn đến cãi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Văn T. Anh T mặc dù có nguyện vọng được đoàn tụ, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh vẫn không đến làm việc. Chứng tỏ anh không thiết tha níu kéo hạnh phúc gia đình, trong khi đó vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ lâu. Vì vậy, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là Lê Văn L, sinh ngày 07/10/2009. Hiện đang ở với ông bà nội, nguyện vọng của cháu L là được ở cùng bố sau khi bố mẹ ly hôn và nguyện vọng của chị N cũng muốn giao con cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Xét yêu cầu của chị N về việc nuôi con chung thấy rằng: Con chung của vợ chồng hiện đang ở với ông bà nội, nguyện vọng của cháu cũng muốn được ở với bố và chị N chấp nhận nguyện vọng của con nên đồng ý giao con cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tránh sự sáo trộn cuộc sống của cháu sau này. Vì vậy cần giao con chung cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: tại phiên tòa, chị N đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con thành niên thấy rằng: Yêu cầu này của chị N là chính đáng, phù hợp với mức thu nhập chung của khu vực nên có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Đặng Thị N được ly hôn anh Lê Văn T.

2. *Về con chung*: Giao con chung là Lê Văn L, sinh ngày 07/10/2009 cho anh Lê Văn T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Đặng Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 10/2020 cho đến khi con đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Chị N có quyền đi lại thăm, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện về việc thay đổi cấp dưỡng và thay đổi quyền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. *Về án phí*:

Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2017/0002250 ngày 25/5/2020. Chị Đặng Thị N còn phải nộp 300.000đ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị N, vắng mặt anh T. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Y, huyện N;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT. TH13.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Kỳ Anh